

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15-01-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Be;

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 605/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1986; căn cước công dân: 072086000355 cấp ngày 29/5/2021; địa chỉ: Số H, khu phố T, phường L, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1995; số CMND: 291073165 do Công an tỉnh T cấp; địa chỉ: Tổ F, khu phố T, phường L, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03-9-2025, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thúy H kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh ngày 05/02/2015 (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh); quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng không hòa hợp, chị

H bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H.

Về con chung: Có 02 cháu tên Phạm Ngọc H1, sinh năm 2015 và Phạm Văn D, sinh năm 2019 hiện đang sống với anh, anh yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định nhưng vẫn không trình bày ý kiến và không đến Tòa án nên không ghi được ý kiến trình bày. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm; người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn T đối với chị Nguyễn Thị Thúy H.

Về con chung: Giao cháu tên Nguyễn Phạm Ngọc H1, sinh ngày 04/5/2015 và Phạm Văn D, sinh ngày 01/7/2019 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn T có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H vắng mặt, Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo

đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T: Theo anh T khai anh và chị Nguyễn Thị Thúy H kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh ngày 05/02/2015 (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh). Do đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 4/2025 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập hòa giải và xét xử cho chị H theo quy định của pháp luật, nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do, không trình ý kiến, thể hiện cho thấy chị H không có biểu hiện, động thái tích cực nào để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, thuyết phục anh T hàn gắn đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng lại với nhau; anh T kiên quyết xin ly hôn cho rằng chị H và anh đã không còn tình cảm vợ chồng, không thể chung sống với nhau được nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn T đối với chị Nguyễn Thị Thúy H.

[3] Về con chung: Có 02 cháu tên Phạm Ngọc H1, sinh năm 2015 và Phạm Văn D, sinh năm 2019 hiện đang sống với anh T, anh T yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai của cháu Phạm Ngọc H1 cũng có nguyện vọng được sống với ba. Do đó căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho anh T nuôi; chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0008003 ngày 17-10-2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn T đối với chị Nguyễn Thị Thúy H; anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H.

2. Về con chung: Giao cho anh T nuôi cháu Phạm Ngọc H1, sinh năm 2015 và Phạm Văn D, sinh năm 2019; chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ghi nhận anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0008003 ngày 17-10-2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- PGĐKT TA tỉnh TN;
- VKSND KV 10-TN;
- THADS KV 10-TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phan Tuyền